

Số: /QĐ-UBND Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung;
thủ tục hành chính bị bãi bỏ của ngành Công Thương
áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1177/QĐ-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 1298/QĐ-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 113/TTr-SCT ngày 02 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 12 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 63 thủ tục hành chính bị bãi bỏ của ngành Công Thương áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (có danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công quốc gia;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, TCD, ĐM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; BỊ BÃI BỎ
CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)

A. DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
*	TTHC CẤP TỈNH (12 thủ tục)					
I	Lĩnh vực: Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (01 thủ tục)					
1	2.000578	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p> <p>- Nộp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn</p>	Không quy định	<p>- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29/6/2024.</p> <p>- Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.</p> <p>- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được quy định tại Quyết định số 1177/QĐ-BCT ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
II						
Lĩnh vực: Xuất nhập khẩu (05 thủ tục)						
2	2.001282	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đã có quyết định tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p> <p>- Nộp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn</p>	Không	<p>- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/20217.</p> <p>- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.</p> <p>- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được quy định tại Quyết định số 1177/QĐ-BCT ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3	1.013771	Thủ tục cấp giấy phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p> <p>- Nộp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn</p>	Không	<p>- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/20217.</p> <p>- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.</p> <p>- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được quy định tại Quyết định số 1177/QĐ-BCT ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4	1.000957	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền quản lý	<p>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p> <p>- Nộp dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn</p>	Không	<p>- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/20217.</p> <p>- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.</p> <p>- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.</p> <p>- Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được quy định tại Quyết định số 1177/QĐ-BCT ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</p>

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5	1.000905	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p> <p>- Nộp dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn</p>	Không	<p>- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/20217.</p> <p>- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.</p> <p>- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.</p> <p>- Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được quy định tại Quyết định số 1177/QĐ-BCT ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</p>

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6	1.013778	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/20217. - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang. - Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được quy định tại Quyết định số 1177/QĐ-BCT ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
III	Lĩnh vực: Quản lý bán hàng đa cấp (06 thủ tục)					
7	2.000309	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 137/2026/NĐ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.
8	2.000631	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu lực thi hành và những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được quy định tại Quyết định số 1298/QĐ-BCT ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9	2.000609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn xử lý hồ sơ lần đầu: 05 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp nộp thông báo. - Thời hạn xử lý hồ sơ sau khi sửa đổi, bổ sung: 03 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 137/2026/NĐ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.
10	2.003705	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	<ul style="list-style-type: none"> - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp thay đổi thông tin hồ sơ đề nghị công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp: 30 ngày làm việc 	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu lực thi hành và những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được quy định tại Quyết định số 1298/QĐ-BCT ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
11	2.001573	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 137/2026/NĐ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. - Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.
12	2.000324	Kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	15 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu lực thi hành và những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 1298/QĐ-BCT ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

B. DANH MỤC TTHC BỊ BÃI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
A	TTHC CẤP TỈNH (54 thủ tục)		
I	Lĩnh vực: Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (03 thủ tục)		
1	2.000604	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
2	2.001675	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	
3	2.001665	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	
II	Lĩnh vực: Kinh doanh khí (06 thủ tục)		
4	1.000475	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
5	1.000455	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG	
6	1.000742	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG	
7	2.000304	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	
8	1.000709	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini.	
9	1.000704	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
III	Lĩnh vực: Công nghiệp tiêu dùng (05 thủ tục)		
10	1.004021	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
11	1.003992	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	
12	2.001646	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
13	2.001630	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
14	1.004007	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	
IV	Lĩnh vực: Lưu thông hàng hóa trong nước (39 thủ tục)		
15	2.001424	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
16	1.000510	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	
17	1.000491	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	
18	1.005184	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	
19	1.005372	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	
20	1.000649	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	
21	1.000706	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
22	1.000387	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
23	2.000146	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	
24	2.000142	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	
25	2.000136	Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	
26	2.000078	Cấp điều chỉnh Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	
27	2.000073	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	
28	2.000207	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	
29	2.000201	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	
30	2.000194	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	
31	2.000187	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	
32	2.000175	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	
33	2.000196	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	
34	1.000425	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	
35	2.000180	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	
36	2.000166	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
37	2.000156	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
38	2.000390	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	
39	2.000387	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	
40	2.000376	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	
41	2.000371	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	
42	2.000354	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
43	2.000279	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
44	1.000481	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
45	2.000163	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	
46	1.000444	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	
47	2.000211	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	
48	1.003977	Cấp Giấy phép phân phối rượu	
49	1.005376	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	
50	1.003101	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	
51	2.001624	Cấp Giấy phép bán buôn rượu	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
52	2.001619	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
53	2.000636	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu	
V	Lĩnh vực: Quản lý bán hàng đa cấp (01 thủ tục)		
54	2.000619	Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Nghị định số 137/2026/NĐ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp
B	TTHC CẤP XÃ (09 thủ tục)		
I	Lĩnh vực: Công nghiệp tiêu dùng (03 thủ tục)		
55	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
56	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
57	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
II	Lĩnh vực: Lưu thông hàng hóa trong nước (06 thủ tục)		
58	2.001283	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
59	2.001270	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
60	2.001261	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
61	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
62	2.001240	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	
63	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	